

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 01/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 24/01/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29206759011	Hà Thị Lý	Anh	19/06/2005	Bình Định	31THT13	10.0	6.5	Đạt	
2	28218000457	Nguyễn Thế	Anh	05/03/2004	Bắc Giang	31TYC13	6.7	5.3	Đạt	
3	28202849246	Nguyễn Văn	Anh	16/08/2004	Gia Lai	31TYC13	10.0	5.0	Đạt	
4	28205102174	Trần Hà	Anh	13/04/2004	Quảng Bình	31TSC3	8.3	5.0	Đạt	
5	28208053167	Phan Thị Minh	Ánh	21/04/2004	Đắk Lắk	31TBN13	6.7	4.3	Không Đạt	
6	28205206909	Lê Ra	Ayun	17/03/2004	Đắk Lắk	31THT13	8.0	5.9	Đạt	
7	28204601457	Nguyễn Thị Thanh	Bình	13/12/2004	Quảng Nam	31TYC13	6.0	4.4	Không Đạt	
8	27206300254	Lê Phạm Chiêu	Đan	01/09/2003	Quảng Ngãi	31CBN8	6.3	4.3	Không Đạt	
9	28204946263	Nguyễn Thị	Điệp	03/04/2004	Quảng Trị	31CSC7	7.0	2.5	Không Đạt	
10	27211344961	Nguyễn Minh	Dũ	29/10/2003	Phú Yên	30CSC9	8.3	5.3	Đạt	
11	29204942250	Chế Lữ Thùy	Dương	14/06/2005	Đà Nẵng	31TBN15	9.7	6.0	Đạt	
12	27211342722	Trần Nguyên Hoàng	Dương	01/06/2003	Đà Nẵng	30TSC11	8.0	3.8	Không Đạt	
13	27213780004	Bùi Hoài	Duy	13/01/2002	Đà Nẵng	31SYC7	6.7	5.3	Đạt	
14	28214637188	Nguyễn Đặng Đức	Duy	12/04/2004	Bình Định	31SYC7	9.0	5.6	Đạt	
15	26205329575	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/01/2002	Đà Nẵng)	31TBN15	9.3	5.0	Đạt	
16	28206552053	Nguyễn Thùy	Duyên	28/09/2004	Quảng Ngãi	31TBN15	6.3	2.9	Không Đạt	
17	29204938880	Phan Lê Hương	Giang	11/10/2005	Phú Yên	31TBN15	9.0	6.0	Đạt	
18	28204638810	Nguyễn Thị	Hà	27/02/2004	Đà Nẵng	31SYC7	7.0	3.9	Không Đạt	
19	29209221719	Đinh Thị Ngọc	Hân	17/03/2005	Nghệ An	31SYC7	6.7	6.3	Đạt	
20	29204459709	Trần Thị Ngọc	Hân	08/08/2005	Quảng Nam	31TYC13	9.3	5.0	Đạt	
21	26205241975	Trần Thu	Hằng	01/01/2002	Kon Tum	31TBN15	9.0	8.4	Đạt	
22	28205134240	Võ Thị	Hằng	17/02/2004	Đăklắk	31SYC7	7.0	4.5	Không Đạt	
23	28202700323	Trần Hà Mỹ	Hạnh	28/11/2004	Gia Lai	31TYC13	10.0	6.3	Đạt	
24	28202805344	Nguyễn Thị Hồng	Hoa	01/12/2004	Nghệ An	31TYC13	6.7	5.0	Đạt	
25	28202800951	Trịnh Hồng	Hoa	01/02/2004	Đà Nẵng	31TYC13	8.7	8.0	Đạt	
26	27212131491	Phan Ngô Huy	Hoàng	15/02/2003	Đà Nẵng	31TBN15	9.7	7.0	Đạt	
27	28218004624	Lưu Đức	Huệ	19/09/2004	Bình Định	31TSC10	6.3	3.3	Không Đạt	
28	28206503693	Dương Thị Diệu	Hương	15/01/2004	Quảng Trị	31TBN15	7.3	4.0	Không Đạt	
29	29206661497	Nguyễn Xuân	Hương	16/12/2005	Quảng Nam	31TBN15	6.7	5.3	Đạt	
30	28218033451	Phan Văn	Huy	19/06/2004	Đà Nẵng	31TBN15	8.7	5.3	Đạt	
31	2211612469	Thân Ngọc	Huy	12/11/1997	Gia Lai	31TSC7	8.7	4.5	Không Đạt	
32	28208034773	Lê Thị Thanh	Huyền	26/10/2004	Đà Nẵng	31CBN7	9.7	5.4	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28205100908	Trần Nguyễn Khánh	Huyền	01/10/2004	Quảng Bình	31TSC3	4.3	7.0	Không Đạt	
34	28204604066	Dương Thị Hà	Khuong	14/08/2004	Quảng Nam	31TBN15	6.3	4.3	Không Đạt	
35	29204445918	Phan Diễm	Kiều	02/08/2005	Quảng Ngãi	31TYC13	9.7	5.0	Đạt	
36	26215334800	Đỗ Thành	Lâm	08/03/2002	Lâm Đồng	31TBN15	9.0	7.8	Đạt	
37	28204402959	Đặng Thị Ngọc	Lan	13/05/2004	Gia Lai	31TYC13	9.3	6.8	Đạt	
38	29204524760	Trần Thị Mai	Liên	23/11/2005	Nghệ An	31SYC7	8.7	9.5	Đạt	
39	28206204952	Trần Thùy	Linh	19/10/2004	Đà Nẵng	31TBN10	8.7	5.5	Đạt	
40	28204600577	Nguyễn Thị Trúc	Ly	26/01/2004	Quảng Ngãi	31TYC13	9.0	5.5	Đạt	
41	28206904575	Trần Thị My	Ly	27/05/2004	Quảng Nam	31TYC13	10.0	5.0	Đạt	
42	28218100768	Huỳnh Nguyễn Khánh	Mai	08/10/2004	Quảng Nam	31CYC7	7.0	4.4	Không Đạt	
43	28214101928	Lô Viết	Minh	15/08/2004	Nghệ An	31TYC13	9.3	7.0	Đạt	
44	28212402102	Phạm Hoàng Nhật	Minh	28/08/2004	Gia Lai	31TBN15	8.3	5.3	Đạt	
45	28204154818	Huỳnh Hà	My	20/03/2004	Quảng Nam	31TYC13	8.0	6.3	Đạt	
46	29207363693	Lê	Na	05/06/2005	Quảng Bình	31TYC11	8.3	9.4	Đạt	
47	28206704689	Trần Thị Hiếu	Ngân	24/12/2004	Đà Nẵng	31TYC13	9.3	5.0	Đạt	
48	28206203484	Ksor	Ngoại	18/01/2004	Gia Lai	31TSC11	9.3	3.5	Không Đạt	
49	28204603226	Huỳnh Thị Ánh	Ngọc	16/06/2004	Quảng Nam	31SYC7	10.0	6.0	Đạt	
50	28208032409	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	26/05/2004	Quảng Ngãi	31TBN15	6.3	6.3	Đạt	
51	28218052773	Phạm Hồng	Nguyên	18/07/2004	Gia Lai	31TBN15	9.0	6.8	Đạt	
52	28208006609	Phạm Thị Thảo	Nguyên	21/05/2003	Đà Nẵng	31TBN15	10.0	7.4	Đạt	
53	28206100771	Tôn Võ Thảo	Nguyên	30/06/2004	Quảng Ngãi	31TYC13	9.0	6.0	Đạt	
54	28208680328	Trương Thị Trang	Nhã	13/03/2004	Đà Nẵng	31SYC7	9.0	6.8	Đạt	
55	28216548261	Hà Quốc	Nhân	20/05/2004	Đà Nẵng	31SYC7	3.7	4.1	Không Đạt	
56	28205153651	Lê Long	Nhi	02/11/2004	Đà Nẵng	31SYC7	9.0	7.0	Đạt	
57	28204602765	Nguyễn Ngọc	Nhi	23/07/2004	Quảng Trị	31SYC6	5.7	5.5	Đạt	
58	28204601884	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/11/2004	Quảng Ngãi	31TYC13	5.0	6.0	Đạt	
59	28218050044	Võ Quỳnh	Nhi	22/01/2004	Quảng Ngãi	31TBN15	7.0	4.0	Không Đạt	
60	051206006402	Nguyễn Tấn	Nhuòng	18/07/2006	Quảng Ngãi	31SYC7	9.0		Không Đạt	
61	29204454922	Mai Phan My	Nương	21/09/2005	Quảng Ngãi	31TYC13	9.0	5.5	Đạt	
62	28204902443	Lê Thị Thúy	Oanh	27/06/2004	Đắk Lắk	31CSC7	7.3	5.3	Đạt	
63	28212705409	Nguyễn Văn	Phú	13/02/2004	Quảng Trị	31TYC13	9.0	6.6	Đạt	
64	28218102264	Trần Trọng	Phúc	14/05/2004	Đắk Lắk	31TBN10	8.0	5.5	Đạt	
65	29204663339	Đỗ Thị Kim	Phụng	14/03/2005	Quảng Ngãi	31TYC13	7.7	5.0	Đạt	
66	29206660699	Đặng Thị Diễm	Phương	01/01/2005	Quảng Nam	31CHT8	8.3	2.0	Không Đạt	
67	28202835280	Trần Thị Thanh	Phương	16/03/2004	Quảng Nam	31TYC13	7.3	3.0	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28215149166	Trần Hoàng Quân	20/01/2004	Gia Lai	31SYC7	6.3	4.4	Không Đạt	
69	25211101706	Phạm Đăng Quang	08/12/2001	Quảng Ngãi	30CHT3	6.3	5.0	Đạt	
70	28208152252	Trương Thị Thúy Sa	23/03/2004	Quảng Nam	31SYC7	5.0	3.9	Không Đạt	
71	27202543823	Phan Thị Thu Sương	15/07/2003	Bình Định	31THT10	7.0	4.0	Không Đạt	
72	28202806716	Đoàn Thị Thanh Thảo	10/04/2004	Đắk Lắk	31TYC13	9.3	7.5	Đạt	
73	28208251543	Nguyễn Thị Thảo	06/09/2004	Đà Nẵng	31TBN15	8.3	7.0	Đạt	
74	28204653171	Nguyễn Thị Thanh Thảo	07/07/2004	Quảng Nam	31SYC7	7.7	2.3	Không Đạt	
75	28207102183	Nguyễn Thị Thu Thảo	12/12/2004	Quảng Nam	31CSC3	5.7	4.3	Không Đạt	
76	28214603938	Đỗ Hưng Thịnh	02/06/2003	Nam Định	31TBN15	8.3	6.5	Đạt	
77	28208103686	Nguyễn Thị Anh Thư	23/04/2004	Quảng Nam	31SBN7	6.7	5.8	Đạt	
78	28202827695	Nguyễn Trịnh Anh Thư	22/10/2004	Đà Nẵng	31TYC13	8.7	5.0	Đạt	
79	28206704222	Trần Lê Thanh Thúy	01/10/2004	Đà Nẵng	31TBN15	9.7	8.3	Đạt	
80	28206148792	Hàn Thị Thùy	22/10/2003	Phú Yên	31TYC13	4.3	3.5	Không Đạt	
81	29204440016	Nguyễn Thị Thanh Thùy	09/12/2005	QUẢNG NG	31TBN15	9.3	9.0	Đạt	
82	28206202189	Lê Khánh Tiên	26/03/2004	Quảng Nam	31TBN15	9.3	5.8	Đạt	
83	28207203203	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	19/08/2004	Quảng Ngãi	31CSC3	4.0	3.5	Không Đạt	
84	31204575101	Lê Bảo Ngọc Trâm	11/08/2007	Đắk Lắk	31TYC13	8.0	4.4	Không Đạt	
85	28202800469	Bùi Thảo Trang	30/04/2004	Đà Nẵng	31TYC13	8.7	6.5	Đạt	
86	28202800874	Lê Mai Phương Trang	02/10/2004	Đak Lak	31TYC13	8.7	6.0	Đạt	
87	28208140048	Đặng Mai Trinh	24/03/2004	Đà Nẵng	31TBN15	5.0	5.3	Đạt	
88	28206734815	Mai Thị Phương Trinh	05/12/2004	Quảng Bình	31TBN15	9.0	6.5	Đạt	
89	28204600253	Nguyễn Lê Băng Trinh	22/11/2004	Quảng Nam	31SYC7	8.0	5.3	Đạt	
90	28208201553	Trần Huyền Trinh	30/10/2004	Quảng Nam	31TBN15	6.3	6.0	Đạt	
91	28212301758	Lê Xuân Trường	06/12/2004	Gia Lai	31TYC11	6.0	2.9	Không Đạt	
92	27211200462	Nguyễn Thanh Tú	30/05/2003	Quảng Nam	31SYC7	V	V	Không Đạt	
93	26215339353	Lê Anh Tuấn	24/05/2002	Quảng Ngãi	31SYC7	V	V	Không Đạt	
94	28214628675	Lê Thiện Tuấn	14/06/2004	Đà Nẵng	31TBN15	2.7	3.8	Không Đạt	
95	28212703876	Hoàng Văn Tùng	28/03/2004	Gia Lai	31CBN6	9.7	5.0	Đạt	
96	29204426013	Nguyễn Thị Minh Tuyền	22/02/2005	Quảng Nam	31TBN15	9.7	5.9	Đạt	
97	28215104781	Huỳnh Trương Anh Vãn	26/11/2004	Gia Lai	31SYC7	8.0	6.8	Đạt	
98	28209348212	Nguyễn Thị Thảo Vi	18/04/2004	Quảng Trị	31TBN15	10.0	7.8	Đạt	
99	28204150733	Vương Thị Ngọc Viên	24/04/2004	Quảng Nam	31TYC13	8.7	7.5	Đạt	
100	27214342656	Trần Thái Vinh	11/10/2003	Đà Nẵng	31TBN15	6.7	5.0	Đạt	
101	28218033826	Vô Bá Hiến Vinh	07/01/2004	Đà Nẵng	31TBN15	V	V	Không Đạt	
102	28202838649	Phan Thùy Vy	10/01/2004	Đà Nẵng	31TYC13	10.0	7.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
103	28204651541	Tô Nguyễn Tường Vy	23/03/2004	Quảng Nam	31SYC7	9.3	5.0	Đạt	
104	27213601862	Phạm Công Ý	27/06/2005	Đà Nẵng	31SYC7	9.3	5.0	Đạt	
105	28204829397	Nguyễn Thị Thùy Yên	04/12/2004	Đà Nẵng	31SYC7	9.3	8.5	Đạt	
106	29204425783	Trần Thị Hoài Yên	26/07/2005	Quảng Ngãi	31TBN15	8.7	5.3	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh